

Bản án số:39/2023/DS-PT

Ngày: 23-02-2022

V/v tranh chấp “Đòi QSDĐ; chia thừa
kế; Hợp đồng thuê, Hợp đồng cầm cố
QSDĐ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 244/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022; về việc tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất; chia thừa kế; hợp đồng thuê, hợp đồng cầm cố QSDĐ”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:171/2022/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022, của Toà án nhân dân huyện PT bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2023/QĐXX-PT ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: Bà Hà Hoa Th, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Ấp KB2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang

Đại diện theo ủy quyền có ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1963, nơi cư trú tổ 8, khóm ML, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang, theo văn bản ủy quyền ngày 08/6/2020.

2. Bị đơn: Ông Trương Văn S, sinh năm 1935

Nơi cư trú: Ấp HT, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang

Đại diện theo ủy quyền có bà Trương Thị Bích L, sinh năm 1965, cư trú tổ 11, ấp BT2, xã BTĐ, huyện PT, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền ngày 22/02/2021) (có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Trương Thị Bích Th, sinh năm 1964, cư trú ấp HT, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang.

3.2. Chị Trương Thị Bích L, sinh năm 1965, cư trú ấp BT2, xã BTĐ, huyện PT, tỉnh An Giang;

Đại diện theo ủy quyền của bà Lệ có bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1981; cư trú: Số 4, tổ 11, ấp T2, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang, theo văn bản ủy quyền ngày 23/8/2022.

3.3. Anh Trương Chí H, sinh năm 1966, cư trú: ấp HT, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang.

3.4. Anh Trương Trọng Ngh, sinh năm 1968, cư trú: ấp HT, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang.

3.5. Ông Võ Tấn C, sinh năm 1969, cư trú: ấp MH2, xã TH, huyện PT, tỉnh An Giang.

3.6. Chị Trương Thị Kiều O, sinh năm 1991, cư trú: ấp T2, xã TT, huyện PT, tỉnh An Giang.

3.7. Chị Võ Thị V, sinh năm 1989, cư trú: ấp MH2, xã TH, huyện PT, tỉnh An Giang; do ông Võ Tấn C, sinh năm 1969, cư trú: ấp MH2, xã TH, huyện PT, tỉnh An Giang đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/01/2022).

3.8. Ông Trần Thanh Long, sinh năm 1967, cư trú: số tổ 17, ấp HT, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang.

3.9. Chị Trương Thị Tú Nhi, sinh năm 2000, cư trú: ấp KB2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Bà Trương Thị Bích L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giảiông Lê Hữu Đ đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Th và anh Trương Anh H được hai bên cha mẹ tổ chức lễ cưới vào ngày 12/01/1996 (không đăng ký kết hôn), khi bà Th và anh H thành vợ chồng thì sống chung bên nhà chồng; cha chồng bà Th tên Trương Văn S, mẹ chồng tên Võ Thị Á (bệnh mất năm 2017). Cha mẹ chồng sinh được 5 người con, gồm hai gái, ba trai, chồng chị tên H là thứ út trong gia đình.

Năm 1997 cha mẹ chồng chia và cho đất sản xuất nông nghiệp của gia đình như sau: Con gái thì cha mẹ chia cho mỗi người là: 3 (ba) công, con trai thì được cha mẹ chia cho mỗi người là: 6 (sáu) công, còn lại 10 (mười) công cha mẹ giữ lại cho ông bà, làm đất hương quả cho đến nay.

Tuy nhiên, chồng bà Th tên H là con út, nên vợ chồng bà sống chung gia đình cha mẹ chồng, nên được cha mẹ chồng chia cho vợ chồng chị Th diện tích đất: khoảng 5 (năm) công, cũng trong thời gian này cha mẹ chồng kêu vợ chồng chị đưa 15.000.000 đồng để ông bà mua đất của ông út Xê và ông bảy Lò khoảng 4 (bốn) công cho vợ chồng chị. Khi cha mẹ chồng nhận tiền của vợ chồng chị và chuyển nhượng hai diện tích đất trên xong thì cha mẹ chồng chị tiến hành lập thủ tục sang tên, tách thửa đất của cha mẹ đứng tên và nhập các thửa đất mua của ông út Xê và ông Bảy Lò cho vợ chồng chị trọn quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, đến ngày 22/01/1998 vợ chồng chị được Ủy ban nhân dân huyện PT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01058QSDĐ/cC, đất tọa lạc tại xã Phú Hưng thuộc tờ bản đồ số 02, thửa số 1096, 1100, 1099, 1098, 1097, 1092, 1093, 1094, diện tích đất 9.046 m², mục đích sử dụng đất 2L và vợ chồng chị quản lý sử dụng. Đến ngày 28/02/2003 chồng chị là anh H bị bệnh và qua đời, trong quá trình sinh sống vợ chồng chị sinh con tên Trương Thị Tú Nh, sinh ngày 22/9/2000.

Sau khi chồng chị Th chết con chị còn nhỏ, chị về nhà cha mẹ ruột tìm công việc mua bán nhỏ để có tiền nuôi con, khi nhà chồng có việc hiếu, hỷ chị đều về có mặt và cùng phụ giúp cho nhà chồng xong việc chị mới đi làm. Khi chị đi tìm công việc để có tiền nuôi con thì diện tích đất nông nghiệp trên của vợ chồng, chị tạm giao lại cha chồng tên Trương Văn S quản lý, sử dụng và khi nào con chị trưởng thành thì lấy lại cho con quản lý sử dụng. Nay chị Th yêu cầu ông Trương Văn S trả lại diện tích đất sản xuất nông nghiệp là: 9.046 m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01058QSDĐ/cC, ngày 22/01/1998 cho mẹ con chị Th theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, theo sơ đồ hiện trạng đất có chênh lệch số liệu, sau đó ông đại diện cho chị Th khởi kiện bổ sung chia thừa kế phần tài sản của anh H, trong phần tài sản chung là diện tích đất này 9.046 m², phần của anh H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật yêu cầu nhận toàn bộ diện tích đất thối lại kỷ phần cho các đồng thừa kế khác.

Chị Trương Thị Bích L vừa đại diện cho ông Trương Văn S trình bày: Nguồn gốc đất do cha là ông S và mẹ bà A mua của người khác khá lâu tên Trương Thị Lê

Tha (khu dân cư Phú Hưng), Út Xề cùng ngụ ấp Hưng Thạnh, Phú Hưng, phần đất này cha chị chuyển quyền cho H năm nào chị không biết, vì chị có gia đình ở riêng.

Nay, chúng tôi không đồng ý, vì sau khi cưới vài tháng Th bỏ nhà đi, em chị (H) có đi theo, sinh sống ở đâu làm gì chúng tôi không biết, có cưới Th về không có đăng ký kết hôn, không có hộ khẩu, còn đứa con có phải của H không chúng tôi không biết. Ngoài ra trước đây H có vợ trước là Võ Thị Bạch T và có đứa con là Trương Thị Kiều O;

Nay, yêu cầu cụ thể như sau chị vừa đại diện cho cha (ông S) yêu cầu phần đất này (9.046m²) bán trả tiền cổ còn dư bao nhiêu chia cho Nh và O bên anh em và cha mẹ chị cũng không nhận phần nào.

Đối với tờ tường trình ghi ngày 28/02/2022 gửi cho Tòa án biết lúc H xin vàng tiền cha mẹ cho khoảng 3 lượng vàng 24k, đi chung sống với Th khi về bị bệnh và cha mẹ cũng bị bệnh không có tiền nên cổ số đất này chứ không có yêu cầu gì trong tờ tường trình.

Anh Trương Chí H trình bày: Thống nhất với ý kiến của chị L, yêu cầu phần đất này (9.046m²) bán trả tiền cổ còn dư bao nhiêu chia cho Nh và O bên anh em và cha mẹ anh cũng không nhận phần nào.

Chị Trương Thị Bích Th vắng mặt có ý kiến trình bày như ý kiến của chị L.

Chị Trương Thị Kiều O trình bày: Chị là con ruột của Trương Anh H (đã chết) và bà Võ Thị Bạch T, cha và mẹ đã ly hôn do không có đăng ký kết hôn, nên ba chị (H) cưới vợ sau là bà Hà Hoa Th, trong lúc cha chị là ông H còn sống có hứa cho chị 2 công đất, nay việc tranh chấp chị không có ý kiến, nếu tài sản của cha chị là H phải phân chia thì phần hưởng chị sẽ nhận theo quy định, chia bằng hiện vật (đất) hoặc bằng tiền cũng được.

Chị Trương Thị Tú Nh trình bày: Chị là con ruột của Trương Anh H (đã chết) và bà Hà Hoa Th, nay việc tranh chấp chị không có ý kiến, nếu tài sản của cha chị (H) phải phân chia thì phần hưởng chị sẽ nhận theo quy định, chia bằng hiện vật (đất) hoặc bằng tiền cũng được.

Ông Võ Tấn C vừa đại diện cho chị Võ Thị V trình bày: Do trước đây phần đất này khoảng 9 công tầm cắt (có phần đất của H– Th đứng tên và phần ông S đứng tên, lúc cổ không biết ai đứng tên) gia đình ông S cổ cho người khác đến khoảng năm 2011 cổ cho ông 180.000.000đ ông canh tác đến năm 2013; phía ông S mới

lấy thêm tiền 70.000.000đ làm giấy cổ lại do con ông Võ Thị V đứng tên số tiền là 250.000.000đ, ông canh tác được 01 năm mới cho ông Trần Thanh L mượn từ năm 2014 cho đến nay, tiền mượn đất trả hàng năm. Nay phần đất này các bên tranh chấp tùy Tòa án giải quyết, ông yêu cầu trả số tiền này lại cho ông và V thì gia đình ông trả lại số đất này, còn việc cho mượn đất giữa ông với ông L tự tính với nhau, nếu không thương lượng được sẽ tranh chấp vụ án khác.

Ông Trần Thanh L trình bày: phần đất này khoảng 9 công tằm cắt trước đây ông C cổ làm được vài năm đến năm 2014 thì cho ông mượn mỗi năm 3 vụ giá chung là 27.000.000đ, tiền mượn trả hàng năm, nay phần đất này các bên tranh chấp tùy Tòa án giải quyết còn việc mượn đất giữa ông với ông C tự tính với nhau, nếu không thương lượng được sẽ tranh chấp vụ án khác, không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Ông Trương Trọng Ngh: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay không có ý kiến trình bày;

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:171/2022/DS-ST ngày 10/8/2022 của Toà án nhân dân huyện PT đã xử:

- Căn cứ khoản 3, 5, 9 Điều 26; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 157; khoản 6 Điều 165; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 500 Bộ Luật dân sự;

- Căn cứ Điều 166, Điều 168 và Điều 188 Luật Đất đai 2013

- Căn cứ Điều 26, Điều 27 và Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của nguyên đơn đối với bị đơn và người liên quan về “Đòi lại quyền sử dụng đất” và “Chia thừa kế tài sản”.

- Ông Trương Văn S, chị Trương Thị Bích Th chị Trương Thị Bích L, anh Trương Chí H, anh Trương Trọng Ngh, ông Võ Tấn C, chị Võ Thị V và ông Trần Thanh L phải giao diện tích đất **9.046 m²**, tại các thửa số 1096, 1100, 1099, 1098, 1097, 1092, 1093, 1094, tờ bản đồ số 02 (đo thực tế 9.770m², tại các thửa mới 133, 151, 153) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01058/QSDĐ/cC, được UBND huyện cấp ngày 22/01/1998 do anh Trương Anh H đứng tên, tại các điểm

59, 60, 61, 62, 63, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 64, 65, 66, 58, 57, 56, 67, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55 theo sơ đồ hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT lập ngày 26/3/2021 cho chị Hà Hoa Th, chị Hà Hoa Th phải đến cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký lại theo quy định của pháp luật.

- Ông Trương Văn S, chị Trương Thị Bích Th, chị Trương Thị Bích L, anh Trương Chí H, anh Trương Trọng Ngh phải trả lại giấy chứng nhận QSD đất số 01058/QSDĐ/cC, được UBND huyện cấp ngày 22/01/1998 do anh Trương Anh H đứng tên cho chị Hà Hoa Th.

- Chị Hà Hoa Th phải trả cho các đồng thừa kế của anh Trương Anh H gồm: Ông Trương Văn S, bà Võ Thị A (phần bà A do ông S, chị Th, chị L, anh H và anh Ngh đại diện nhận), chị Trương Thị Kiều O và chị Trương Thị Tú Nh mỗi người là 68.390.000đ (1 kỷ phần).

* Hủy hợp đồng cầm cố QSD đất giữa ông Trương Văn S với ông Võ Tấn Cư và chị Võ Thị V ngày 25/11/2013 al (nhằm ngày 27/12/2013)

- Ông Trương Văn S phải trả lại tiền cổ đất cho ông Võ Tấn C và chị Võ Thị V là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng)

- Ông Võ Tấn C, chị Võ Thị V và ông Trần Thanh L phải trả lại diện tích đất cho ông Trương Văn S là $1.764m^2$, tại thửa 1095 (thửa mới 169 đo thực tế là $2.578m^2$) theo giấy chứng nhận số 01008/cC, cấp ngày 08/11/2000 do ông Trương Văn S đứng tên.

* Về chi phí tố tụng: Ông Trương Văn S, chị Trương Thị Bích Th, chị Trương Thị Bích L, anh Trương Chí H, anh Trương Trọng Ngh cùng phải chịu 5.558.000đ, đồng thời phải trả lại cho chị Th số tiền này (5.558.000đ);

- Chị Hà Hoa Th phải chịu 794.000đ (chị đã nộp xong), chị Trương Thị Kiều O, chị Trương Thị Tú Nh mỗi người phải chịu 794.000đ, đồng thời chị O và chị Tú Nh mỗi người phải trả lại cho chị Th số tiền này (794.000đ)

* Về án phí sơ thẩm: Miễn cho ông Trương Văn S; chị Trương Thị Bích Th, chị Trương Thị Bích L, anh Trương Chí H, anh Trương Trọng Ngh cùng phải chịu 13.678.000đ (phần giao trả $\frac{1}{2}$ diện tích đất $9.770m^2$) và 2.735.000đ (hưởng thừa kế của bà A), tổng cộng 16.413.000đ;

- Chị Hà Hoa Th phải chịu 3.419.000đ (phần hưởng tài sản thừa kế) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.000.000đ theo biên lai thu số 0006733, ngày

08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, còn lại 5.581.000đ hoàn trả cho chị Th.

- Chị Trương Thị Kiều O phải chịu 3.419.000đ (phần hưởng tài sản thừa kế)
- Chị Trương Thị Tú Nh phải chịu 3.419.000đ (phần hưởng tài sản thừa kế)
- Ông Võ Tấn C, chị Võ Thị V và ông Trần Thanh L mỗi người phải chịu 3.007.000đ (phần trả đất cho ông S), riêng chị V được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000đ theo biên lai thu số 0004267, ngày 14/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, còn lại 3.243.000đ; hoàn trả cho chị V.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo; thời hạn thi hành án dân sự của các đương sự.

Ngày 23/8/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Bích L kháng cáo yêu cầu xem xét lại công sức đóng góp của chúng tôi; nghĩa vụ nuôi dưỡng của vợ chồng H đối với cha mẹ hoặc hòa giải đồng ý giao lại 9.770m² cho bà Hà Hoa Th; bà Th có nghĩa vụ hoàn lại 250.000.000đ đã cố đất cho ông Võ Tấn C và bà Võ Thị V; sửa lại phần án phí;

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự cam kết không cung cấp chứng mới tại giai đoạn phúc thẩm; tuy nhiên, sau khi Hội đồng xét xử động viên các đương sự tự thỏa thuận với nhau về nội dung vụ án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận với nhau, nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn số tiền 55.000.000đ; bị đơn ông Trương Văn S do bà Trương Thị Bích L đại diện theo ủy quyền; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Bích L có bà Nguyễn Thị Kim T đại diện theo ủy quyền đồng ý chấp nhận; các phần còn lại giữ y;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bà L nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm hợp lệ trong hạn luật định; được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ Luật tố tụng Dân sự xét xử theo thủ tục chung.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về nội dung như sau:

- Nguyên đơn bà Hà Hoa Th tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn ông Trương Văn Sơn số tiền 55.000.000đ;

- Ông Trương Văn S, chị Trương Thị Bích Th, chị Trương Thị Bích L, anh Trương Chí H, anh Trương Trọng Ngh, ông Võ Tấn C, chị Võ Thị V và ông Trần Thanh L phải giao diện tích đất 9.046 m², tại các thửa số 1096, 1100, 1099, 1098, 1097, 1092, 1093, 1094, tờ bản đồ số 02 (đo thực tế 9.770m², tại các thửa mới 133, 151, 153) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01058/QSDĐ/cC, được UBND huyện cấp ngày 22/01/1998 do anh Trương Anh H đứng tên, tại các điểm 59, 60, 61, 62, 63, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 64, 65, 66, 58, 57, 56, 67, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55 theo sơ đồ hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT lập ngày 26/3/2021 cho chị Hà Hoa Th, chị Hà Hoa Th phải đến cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký lại theo quy định của pháp luật.

- Ông Trương Văn S, chị Trương Thị Bích Th, chị Trương Thị Bích L, anh Trương Chí H, anh Trương Trọng Ngh phải trả lại giấy chứng nhận QSD đất số 01058/QSDĐ/cC, được UBND huyện PT cấp ngày 22/01/1998 do anh Trương Anh H đứng tên cho chị Hà Hoa Th.

- Chị Hà Hoa Th phải trả cho các đồng thừa kế của anh Trương Anh Huy gồm: Ông Trương Văn S, bà Võ Thị A (phần bà A do ông S, chị Th, chị L, anh H và anh Ngh đại diện nhận), chị Trương Thị Kiều O và chị Trương Thị Tú Nh mỗi người là 68.390.000đ (1 kỷ phần).

- * Hủy hợp đồng cầm cố QSD đất giữa ông Trương Văn S với ông Võ Tấn C và chị Võ Thị V ngày 25/11/2013 âl (nhằm ngày 27/12/2013)

- Ông Trương Văn S phải trả lại tiền cổ đất cho ông Võ Tấn C và chị Võ Thị V là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng)

- Ông Võ Tấn C, chị Võ Thị V và ông Trần Thanh L phải trả lại diện tích đất cho ông Trương Văn S là 1.764m², tại thửa 1095 (thửa mới 169 đo thực tế là 2.578m²) theo giấy chứng nhận số 01008/cC, cấp ngày 08/11/2000 do ông Trương Văn S đứng tên.

- * Về chi phí tố tụng: Ông Trương Văn S, chị Trương Thị Bích Th, chị Trương Thị Bích L, anh Trương Chí H, anh Trương Trọng Ngh cùng phải chịu 5.558.000đ, đồng thời phải trả lại cho chị Th số tiền này (5.558.000đ);

- Chị Hà Hoa Th phải chịu 794.000đ (chị đã nộp xong), chị Trương Thị Kiều O, chị Trương Thị Tú Nh mỗi người phải chịu 794.000đ, đồng thời chị O và chị Tú Nh mỗi người phải trả lại cho chị Th số tiền này (794.000đ);

Còn về án phí, chi phí tố tụng do Hội đồng xét xử quyết định theo pháp luật;
Xét thấy, sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử công nhận;

Tuy nhiên, về phần án phí cấp sơ thẩm tính chưa chính xác, cần sửa lại phần án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp pháp luật;

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 300; điều 148; điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Bích L

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm 171/2022/DS-ST ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang;

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự;

- Nguyên đơn bà Hà Hoa Th tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn ông Trương Văn S số tiền 55.000.000đ;

- Ông Trương Văn S, chị Trương Thị Bích Th, chị Trương Thị Bích L, anh Trương Chí H, anh Trương Trọng Ngh, ông Võ Tấn C, chị Võ Thị V và ông Trần Thanh L phải giao diện tích đất 9.046 m², tại các thửa số 1096, 1100, 1099, 1098, 1097, 1092, 1093, 1094, tờ bản đồ số 02 (đo thực tế 9.770m², tại các thửa mới 133, 151, 153) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01058/QSDĐ/cC, được UBND huyện cấp ngày 22/01/1998 do anh Trương Anh H đứng tên, tại các điểm 59, 60, 61, 62, 63, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 64, 65, 66, 58, 57, 56, 67, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55 theo sơ đồ hiện trạng do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT lập ngày 26/3/2021 cho chị Hà Hoa Th, chị Hà Hoa Th phải đến cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký lại theo quy định của pháp luật.

- Ông Trương Văn S, chị Trương Thị Bích Th, chị Trương Thị Bích L, anh Trương Chí H, anh Trương Trọng Ngh phải trả lại giấy chứng nhận QSD đất số 01058/QSDĐ/cC, được UBND huyện PT cấp ngày 22/01/1998 do anh Trương Anh H đứng tên cho chị Hà Hoa Th.

- Chị Hà Hoa Th phải hoàn trả cho các đồng thừa kế của anh Trương Anh H gồm: Ông Trương Văn S, bà Võ Thị A (phần bà A do ông S, chị Th, chị L, anh H và anh Ngh đại diện nhận), chị Trương Thị Kiều O và chị Trương Thị Tú Nh mỗi người 1 kỳ phần thừa kế là 68.390.000đ.

* Hủy hợp đồng cầm cố QSD đất giữa ông Trương Văn S với ông Võ Tấn C và chị Võ Thị V ngày 25/11/2013 al (nhằm ngày 27/12/2013)

- Ông Trương Văn S phải trả lại tiền cổ đất cho ông Võ Tấn C và chị Võ Thị V là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng)

- Ông Võ Tấn C, chị Võ Thị V và ông Trần Thanh L phải trả lại diện tích đất cho ông Trương Văn S là 1.764m², tại thửa 1095 (thửa mới 169 đo thực tế là 2.578m²) theo giấy chứng nhận số 01008/cC, cấp ngày 08/11/2000 do ông Trương Văn S đứng tên.

* Về chi phí tố tụng: Ông Trương Văn S, chị Trương Thị Bích Th, chị Trương Thị Bích L, anh Trương Chí H, anh Trương Trọng Ngh cùng phải chịu 5.558.000đ; đồng thời phải trả lại cho chị Th số tiền này (5.558.000đ);

- Chị Hà Hoa Th phải chịu 794.000đ (chị đã nộp xong), chị Trương Thị Kiều O, chị Trương Thị Tú Nh mỗi người phải chịu 794.000đ; đồng thời chị O và chị Tú Nh mỗi người phải trả lại cho chị Th số tiền này (794.000đ);

* Về án phí sơ thẩm: Miễn cho ông Trương Văn S; các ông bà còn lại phải chịu Trương Thị Bích Th; Trương Thị Bích L; Trương Chí H; Trương Trọng Ngh cùng phải chịu 300.000đ và 3.419.000đ (hưởng thừa kế của bà A); tổng cộng 3.719.000đ

- Chị Hà Hoa Th phải chịu 3.419.000đ (phần hưởng tài sản thừa kế) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.000.000đ theo biên lai thu số 0006733, ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, còn lại 5.581.000đ hoàn trả cho chị Th.

- Chị Trương Thị Kiều O phải chịu 3.419.000đ (phần hưởng tài sản thừa kế); chị Trương Thị Tú Nh phải chịu 3.419.000đ (phần hưởng tài sản thừa kế)

- Ông Võ Tấn C, chị Võ Thị V và ông Trần Thanh L mỗi người phải chịu 3.007.000đ (phần trả đất cho ông S), riêng chị V được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000đ theo biên lai thu số 0004267, ngày 14/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, còn lại 3.243.000đ hoàn trả cho chị V.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị Bích L được nhận lại số tiền 300.000đ, theo biên lai thu số 0005419 ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện

PT, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện(1).
- Toà Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đường sự “ Đề thi hành ”
- Lưu: HS.

Nguyễn Văn Sơn